

Số: 90/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 177/2026/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thu L, sinh năm 1983. Số CCCD: 021283005096. Địa chỉ: Thôn E, xã S, tỉnh Lai Châu.

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987. Số CCCD: 026087007671. Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 16/4/2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu nhận được đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S, yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành phiên hòa giải để chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S được đoàn tụ nhưng chị L và anh S không hàn gắn được tình cảm và giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và các thỏa thuận, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/6/2018, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, chị L và anh S thường phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đời sống vợ chồng không hòa thuận, không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, chị L và anh S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S thỏa thuận chị L là người nộp toàn bộ tiền lệ phí theo quy định của pháp luật.

Xét thấy các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải ngày 04 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về lệ phí giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn S thỏa thuận, chị L là người chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự. Vì vậy, chị L phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ với số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000196, ngày 16/4/2026, của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, chị L, anh S đã nộp đủ số tiền lệ phí phải nộp.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lai Châu;
- UBND xã Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ việc

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hạnh

